TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
T. KG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phU

Bản án: 36/2018/DSST
Ngày 22/5/2018
Về việc: *"Tranh chấp dân sự về góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị CU**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tấn Lập**

2. Bà **Phạm Hồng Gái**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thành Minh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh KG: *tham gia phiên Tà có ô*ng **Lương Thành Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2017/TLST-DS ngày *14* tháng 9 năm 2017 về : "Tranh chấp dân sự về góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện H, tỉnh KG.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị U**, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện H, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2017 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Nguyên vào tháng 5/2014al, tôi có tham gia chơi một chân hụi tuần do cô U làm chủ, mỗi tuần đóng hụi sống từ 300.000 đồng đến 350.000 đồng, ai hốt rồi thì phải đóng hụi chết 500.000 đồng. Dây hụi này gồm 65 chân hụi.

Tôi đã đóng liên tục hụi sống cho cô U đến khi mãn hụi. Tính đến ngày hụi mãn thì tôi hốt được số tiền hụi là 64 x 500.000 đồng bằng 32.000.000 đồng, trừ đi tiền hoa hồng 400.000 đồng, còn lại 31.600.000 đồng. Tuy nhiên cô U không giao tiền hụi cho tôi.

Ngoài ra, vào tháng 10/2015al tôi còn chơi một chân hụi tuần 500.000 đồng/tuần cũng do cô U làm chủ. Dây hụi này gồm có 55 chân hụi. Tôi đóng hụi sống được 14 lần, đến lần thứ 15 thì tôi bỏ hụi hốt được tổng số tiền là 14.740.000 đồng (sau khi đã trừ đi tiền hoa hồng cho cô U và trừ đi số tiền phải đóng hụi chết còn lại 40 lần sau), nhưng bà U cũng không giao tiền cho tôi.

Ngày 20/8/2017 tôi có làm đơn gửi chính quyền địa phương giải quyết nhưng bà U lánh mặt không đến.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cô Nguyễn Thị U phải trả cho tôi số tiền hụi là 31.600.000 + 14.740.000 = 46.340.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu, ba trăm bốn mươi ngàn đồng).

** Tại Biên bản hòa giải, bị đơn bà Nguyễn Thị U trình bày:*

Tôi thừa nhận có mở hai dây hụi tuần theo đúng như trình bày của bà T. Nhưng do dây hụi bị bể nên tôi không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của bà T, mà chỉ đồng ý trả tiền gốc bằng một nửa số tiền theo yêu cầu của bà T là 46.340.000 đồng : 2 = 23.170.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm: Tòa án nhân dân huyện H trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ, công bố chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, HĐXX, thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ , xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận nên đề nghị HĐXX xem xét khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn, cũng như các tài liệu có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi" quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân

dân huyện H theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà Nguyễn Thị U vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà U theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở xác định rằng, bà Trần Thị T có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị U làm chủ, cụ thể như sau:

- Vào tháng 5/2014al, bà Nguyễn Thị U có mở một dây hụi tuần 500.000 đồng, dây hụi gồm 65 chân hụi. Trong đó bà Trần Thị T tham gia chơi một chân hụi. Bà T đã đóng liên tục hụi sống cho cô U đến ngày mãn hụi nhưng bà U không giao tiền hụi chót cho bà số tiền là 64 x 500.000 đồng = 32.000.000 đồng, trừ đi tiền hoa hồng 400.000 đồng, còn lại 31.600.000 đồng.

- Vào tháng 10/2015al bà Nguyễn Thị U tiếp tục mở một dây hụi tuần 500.000 đồng. Dây hụi này gồm có 55 chân hụi, trong đó bà Trần Thị T tham gia chơi một chân hụi. Bà T đóng hụi sống được 14 lần, đến lần thứ 15 thì bỏ hụi hốt được tổng số tiền là 14.740.000 đồng (sau khi đã trừ tiền hoa hồng cho bà U và trừ đi số tiền phải đóng hụi chết còn lại 40 lần sau) nhưng bà U cũng chưa giao số tiền này cho bà T.

Xét thấy: Bà T tham gia chơi dây hụi do bà U làm chủ đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa hụi viên với chủ hụi. Quan hệ tranh chấp này được pháp luật điều chỉnh cụ thể tại Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Tại Biên bản lấy lời khai của Tòa án, bà U cũng thừa nhận việc mình có viết hai miếng giấy nhỏ ghi số tiền bà T được nhận khi hốt hụi, một miếng giấy ghi số tiền 14.740.000 đồng và một miếng giấy ghi số tiền 31.600.000 đồng (BL 14, 15) nhưng chưa giao tiền hụi cho bà T. Như vậy, việc bà U không giao tiền hụi cho bà T khi bà T được hốt hụi là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi, được quy định tại Điều 27, khoản 3 Điều 15 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Do đó, việc bà T khởi kiện yêu cầu bà U trả tổng số tiền hụi 31.600.000 + 14.740.000 = 46.340.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp với quy định của pháp luật.

Lời khai của bà U có trong hồ sơ cho rằng do hụi bị bể nên bà không có tiền trả tiền hụi cho bà T, nay bà chỉ đồng ý trả số tiền hụi gốc cho bà T bằng ½ số tiền bà T yêu cầu là 46.340.000 đồng : 2 = 23.170.000 đồng. Xét thấy, lời khai của bà U không có căn cứ để chấp nhận vì bà U không có chứng cứ gì chứng minh dây hụi bị bể, trong

khi bà vẫn tiếp tục thu tiền hụi do bà T đóng đến thời điểm dây hụi mãn và thực tế thì bà U đã ghi giấy thể hiện số tiền bà T được hốt hụi khi dây hụi mãn. Tại phiên tòa hôm nay, bà T xác định bà U không có bị bể hụi, vẫn thu tiền hụi của bà đến khi mãn hụi. Bà U là người có thâm niên 10 năm làm chủ hụi nhưng bà lại không lập sổ hụi để theo dõi việc đóng hụi của các hụi viên, bà cho rằng hụi bể nhưng không thông báo mà tiếp tục thu tiền hụi của bà T là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi, do đó nay bà U yêu cầu xin trả lại số tiền gốc bà T đã đóng bằng ½ số tiền bà T yêu cầu bằng 46.340.000 đồng : 2 = 23.170.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T; chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H; buộc bà Nguyễn Thị U phải có trách nhiệm trả số tiền hụi cho bà T là 46.340.000 đồng.

Về án phí: Bà U phải chịu án phí DSST có giá nghạch theo quy định của pháp luật.

Bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 27, khoản 3 Điều 15 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T đối với bà Nguyễn Thị U.

Buộc bà Nguyễn Thị U phải có trách nhiệm trả số tiền hụi cho bà Trần Thị T là ***46.340.000 đồng*** *(Bốn mươi sáu triệu, ba trăm bốn mươi ngàn đồng).*

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí DSST:

- Bà Nguyễn Thị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.317.000

đồng (Hai triệu, ba trăm mười bảy ngàn đồng).

- Bà Trần Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.158.000 đồng (Một triệu, một trăm năm mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009171 ngày 13/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Nguyễn Thị U vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KG;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự:
- Lưu.

Nguyễn Thị CU